Chi tiết mã HS 3102.30.00

Mã HS	3102.30.00
Mô tả hàng hóa	Phân khoáng hoặc phân hóa học, có chứa nitơ / - Amoni nitrat, có hoặc không ở trong dung dịch nước
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	11/11/2026 13:51:52
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/31023000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4737
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4737
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4737
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0/5	0 / 5 (nhiều mức)	144/2024/NĐ-CP	2024-11-01	BT2026!CJ4737
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.1	2,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4627
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4588
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4588
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4588
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4588
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4588
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4588
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4626
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4626

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4626
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4626
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4626
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4626
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4630
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4630
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4630
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4630
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4630
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4630
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4630
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4594
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4590
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4590
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4590
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4590
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4590
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4590
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4590
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4590
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4590
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4590
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4590
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4590
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4637
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4637

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4637
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4637
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4637
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4637
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4634
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4634
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4634
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4634
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4634
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4634
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4642
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4642
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4642
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4642
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4642
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4642
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4613
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4613
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4613
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4613
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4613
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4613
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4615
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4615
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4615
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4615

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4615
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4615
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4613
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4613
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4613
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4613
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4613
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4613
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4613
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4634
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4634
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4634
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4634
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4634
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4634
RCEP B	2022	2022	0	B!D4634
RCEP B	2023	2023	0	B!E4634
RCEP B	2024	2024	0	B!F4634
RCEP B	2025	2025	0	B!G4634
RCEP B	2026	2026	0	B!H4634
RCEP B	2027	2027	0	B!I4634
RCEP C	2022	2022	0	C!D4634
RCEP C	2023	2023	0	C!E4634
RCEP C	2024	2024	0	C!F4634
RCEP C	2025	2025	0	C!G4634
RCEP C	2026	2026	0	C!H4634

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4634
RCEP D	2022	2022	0	D!D4634
RCEP D	2023	2023	0	D!E4634
RCEP D	2024	2024	0	D!F4634
RCEP D	2025	2025	0	D!G4634
RCEP D	2026	2026	0	D!H4634
RCEP D	2027	2027	0	D!I4634
RCEP E	2022	2022	0	E!D4637
RCEP E	2023	2023	0	E!E4637
RCEP E	2024	2024	0	E!F4637
RCEP E	2025	2025	0	E!G4637
RCEP E	2026	2026	0	E!H4637
RCEP E	2027	2027	0	E!I4637
RCEP F	2022	2022	0	F!D4634
RCEP F	2023	2023	0	F!E4634
RCEP F	2024	2024	0	F!F4634
RCEP F	2025	2025	0	F!G4634
RCEP F	2026	2026	0	F!H4634
RCEP F	2027	2027	0	F!I4634
VIFTA	2024	2024	2,7	VI!F4273
VIFTA	2025	2025	2.4	VI!G4273
VIFTA	2026	2026	2.1	VI!H4273
VIFTA	2027	2027	1.8	VI!I4273

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Hàng hóa KTCN về chất lượng SP HH nhóm 2 (1182/QĐ-BCT-PL1-2021)		1182/QĐ-BCT-PL	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	HH NK phải làm thủ tục HQ tại CK nhập (23/2019/QĐ-TTg)		23/2019/QĐ-TTg	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3102.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 3102.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4737), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH NK phải làm thủ tục HQ tại CK nhập (23/2019/QĐ-TTg)
Hàng hóa KTCN về chất lượng SP HH nhóm 2 (1182/QĐ-BCT-PL1-2021)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.